

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
- KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

Số: 25 /QĐ-DHKTKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học
của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 21 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương;

Căn cứ Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐT ngày 11 tháng 03 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tuyển sinh, Trưởng các đơn vị, các cá nhân tham gia công tác tuyển sinh của Trường và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐT (để b/c)
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử (t/b);
- Lưu VT, P.TS.



TS. Nguyễn Thị Thu Hà

QUY CHẾ
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 25 QĐ-DHKTKT ngày 28 tháng 01 năm 2023 của
 Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương (sau đây gọi tắt là Trường) bao gồm: tuyển sinh đào tạo trình độ đại học chính quy, tuyển sinh đào tạo liên thông, tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học; tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) và các đơn vị tham gia công tác tuyển sinh và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học cho các hình thức đào tạo; thanh tra, kiểm tra trong công tác tuyển sinh; khen thưởng, xử lý vi phạm và chế độ báo cáo lưu trữ.

2. Quy chế này áp dụng đối với đơn vị, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm thực hiện công tác tuyển sinh tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quyền tự chủ trong công tác tuyển sinh

1. Trường thực hiện quyền tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh: xác định chỉ tiêu tuyển sinh, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động tuyển sinh; xây dựng Đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trường thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

Điều 3. Phương hướng tuyển sinh

1. Trường tổ chức tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) với chủ trương, phương hướng tuyển sinh hàng năm được Hội đồng trường quyết định.

2. Phương hướng tuyển sinh gồm những vấn đề cơ bản nhất liên quan đến hoạt động tuyển sinh từng năm: số lượng tuyển, các ngành tuyển, hình thức tuyển, cơ cấu đối

tượng tuyển, học phí dự kiến, các mốc thời gian tuyển và các vấn đề liên quan khác đến công tác tuyển sinh.

3. Hiệu trưởng Nhà trường có trách nhiệm dự kiến phương hướng tuyển sinh để Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền; cụ thể hóa phương hướng tuyển sinh thành kế hoạch tuyển sinh và Đề án tuyển sinh theo quyết định của Hội đồng trường; tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh đúng phương hướng tuyển sinh do Hội đồng trường đề ra.

Điều 4. Chính sách tuyển sinh

1. Thí sinh thuộc diện ưu tiên theo quy định của Bộ GDĐT được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

2. Chính sách học bổng đầu vào đối với từng mức điểm và ngành học áp dụng theo mức học bổng được quy định cụ thể trong chính sách tuyển sinh hàng năm của Trường.

3. Các chính sách phục vụ công tác tuyển sinh khác ban hành cụ thể từng năm theo chính sách tuyển sinh hàng năm.

Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển

a) Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng dự tuyển theo quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ GDĐT;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

d) Người nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Trường phải đạt yêu cầu về trình độ tiếng Việt theo quy định của Bộ GDĐT.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

Trường áp dụng nhiều phương thức tuyển sinh khác nhau được công bố trong Đề án tuyển sinh bao gồm:

a) Đào tạo đại học hệ chính quy: xét tuyển áp dụng chung cho toàn Trường. Một

chương trình đào tạo có thể sử dụng đồng thời một số phương thức tuyển sinh;

- b) Đào tạo đại học liên thông: xét tuyển;
- c) Đào tạo văn bằng 2: xét tuyển;
- d) Đào tạo vừa làm vừa học: xét tuyển.

Điều 7. Nội dung Đề án tuyển sinh

Đề án tuyển sinh được xây dựng và công khai nhằm mục đích cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin tuyển sinh trình độ đại học của Trường; tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh trong việc chọn trường và ngành đào tạo đăng ký xét tuyển. Đề án tuyển sinh được xây dựng theo mẫu do Bộ GDĐT ban hành, bảo đảm các tiêu chí sau đây:

1. Cung cấp đầy đủ thông tin về tuyển sinh trình độ đại học theo mẫu quy định của Bộ GDĐT: các ngành và chương trình đào tạo, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp.

2. Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khoá học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác.

3. Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm. Quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh theo các hình thức tuyển sinh khác nhau đối với các ngành, chương trình đào tạo và nêu rõ đảm bảo chất lượng đầu vào phù hợp với quy định của Quy chế này.

4. Quy định rõ về các điều kiện để sử dụng kết quả miễn bài thi môn ngoại ngữ, điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi THPT quốc gia các năm trước.

Điều 8. Công khai đề án tuyển sinh

- 1. Đề án tuyển sinh được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.
- 2. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm giải trình về các nội dung của Đề án với Bộ GDĐT và các bên liên quan theo quy định.
- 3. Đối với công tác tuyển sinh đào tạo chính quy thực hiện theo lịch tuyển sinh do Bộ GDĐT công bố.
- 4. Đối với tuyển sinh cho các hình thức đào tạo khác, Trường có thể điều chỉnh Đề án tuyển sinh trước ít nhất 45 ngày khi thí sinh đăng ký dự tuyển.

Chương II
TỔ CHỨC TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Mục 1

THÔNG BÁO TUYỂN SINH, ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH VÀ HỒ SƠ TUYỂN SINH

Điều 9. Thông báo tuyển sinh

1. Căn cứ vào Đề án tuyển sinh, Phòng Tuyển sinh thông báo tuyển sinh. Tùy tình hình thực tế hàng năm, Trường có thể tổ chức nhiều đợt tuyển sinh trong 1 năm.

2. Phòng tuyển sinh và Trung tâm Truyền thông và Tư vấn hướng nghiệp có nhiệm vụ phối hợp với các cá nhân, đơn vị, tổ chức trong và ngoài trường để phổ biến rộng rãi đến mọi người.

- 3. Nội dung thông báo tuyển sinh bao gồm:

- a) Mã trường và mã ngành đào tạo;
- b) Chỉ tiêu tuyển sinh và phương thức tuyển sinh;
- c) Điều kiện dự tuyển và hồ sơ đăng ký;
- d) Thời gian, địa điểm và cách thức nộp hồ sơ.

Điều 10. Thu nhận hồ sơ

1. Đối với trường hợp sử dụng kết quả thi THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT hoặc kết quả thi của đơn vị khác trong thời hạn của mỗi đợt xét tuyển, thí sinh đăng ký xét tuyển, trong thời hạn quy định của mỗi đợt xét tuyển, thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến (online) tại địa chỉ www.ktkt.edu.vn hoặc nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo hình thức thư bảo đảm hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh của Trường.

3. Hồ sơ xét tuyển:

- a) Phiếu đăng ký xét tuyển;
- b) Học bạ THPT (bản sao);
- c) Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (bản sao);
- d) Bản chính phiếu kết quả thi (đối với phương thức sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM);
- e) Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Mục 2

TỔ CHỨC XÉT TUYỂN SINH

Điều 11. Trách nhiệm thí sinh

Thí sinh phải nộp đúng, đầy đủ hồ sơ tuyển sinh và chịu trách nhiệm về tính xác

thực của các thông tin đăng ký xét tuyển. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin đăng ký xét tuyển với hồ sơ gốc.

Điều 12. Đối với trường hợp không sử dụng kết quả thi THPT

1. Phòng Tuyển sinh lập danh sách thí sinh xét tuyển đủ điều kiện và gửi về cho Ban thu ký HĐTS cuối mỗi đợt xét tuyển.

2. Tiêu chí và điều kiện xét tuyển: xét điểm cộng điểm 3 môn thi (theo tổ hợp môn xét tuyển) đạt ngưỡng tối thiểu theo quy định của Bộ GDĐT.

3. Nguyên tắc xét của phương thức này: xét từ cao xuống thấp tất cả các ngành theo quy định của Bộ GDĐT công bố và căn cứ vào số lượng hồ sơ nộp và chỉ tiêu tuyển sinh đã được xác định (ưu tiên thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 1 xong mới xét tiếp đợt bổ sung)

Điều 13. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GDĐT cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy, Trường phối hợp triển khai các quy trình:

a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (gọi tắt là hệ thống trong phạm vi Chương này) và trên cổng Dịch vụ công Quốc gia;

b) Tổ chức xét tuyển tại Trường theo các phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT hoặc kết quả thi của đơn vị khác;

c) Xử lý nguyện vọng trên hệ thống (theo chu trình lặp kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);

d) Xác nhận nhập học trên hệ thống và nhập học tại Trường;

2. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GDĐT, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, kế hoạch xét tuyển sớm đối với một số phương thức tuyển sinh riêng và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 14. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ Đề án tuyển sinh đã công bố, Trường tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT, đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố kết quả theo kế hoạch chung.

3. Thí sinh trúng tuyển thẳng có thể xác nhận nhập học sớm (khi đủ điều kiện), hoặc theo kế hoạch chung như những thí sinh khác; Trường không yêu cầu bắt buộc thí sinh xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng chưa xác nhận nhập học vẫn được sử dụng quyền đăng ký xét tuyển trên hệ thống chung để có thêm cơ hội trúng tuyển như những thí sinh khác.

Điều 15. Tổ chức đăng ký và xét tuyển sớm

1. Trường có kế hoạch xét tuyển sớm đối với một số phương thức tuyển sinh, tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Trường tổ chức xét tuyển cho những thí sinh đã hoàn thành thủ tục dự tuyển, nhưng không yêu cầu thí sinh xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung. Trường công bố và tải danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.

3. Thí sinh đã dự tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển sớm sau đó phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT:

a) Trường hợp thí sinh đã được Trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) một nguyện vọng nhất định, thí sinh tự quyết định việc đặt thứ tự ưu tiên nguyện vọng khi đăng ký trên hệ thống (tùy thuộc thí sinh muốn được công nhận trúng tuyển nguyện vọng đó hay muốn mở rộng cơ hội trúng tuyển nguyện vọng khác);

b) Trường hợp không đủ điều kiện trúng tuyển vào một ngành đào tạo theo nguyện vọng, thí sinh vẫn có thể tiếp tục đăng ký ngành đào tạo đó theo phương thức tuyển sinh khác trên hệ thống.

Điều 16. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung

1. Trường sử dụng hệ thống do Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của Trường. Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch xét tuyển sớm của Trường) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua cổng Dịch vụ công Quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3. Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ

tuyển sinh (theo hướng dẫn của Bộ GDĐT) như sau:

- a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);
- b) Lựa chọn về cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);
- c) Lựa chọn ngành, nhóm ngành, chương trình đào tạo (mã ngành);
- d) Lựa chọn phương thức tuyển sinh (mã phương thức);
- đ) Lựa chọn tổ hợp xét tuyển (mã tổ hợp) đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT theo môn thi, hoặc phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT.

Điều 17. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Trường tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống, Trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống để phục vụ xét tuyển, bao gồm dữ liệu đăng ký nguyện vọng và kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập cấp THPT và kết quả thi khác của những thí sinh dự tuyển vào Trường theo các phương thức tuyển sinh.

3. Nguyên tắc xét tuyển:

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một ngành đào tạo (hoặc một chương trình đào tạo) theo một phương thức và tổ hợp môn, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng theo điểm xét không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Trường có thể sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng (để xét chọn những thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn);

4. Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GDĐT.

5. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh). Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

6. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lặp lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển.

Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo.

7. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường (hoặc của đơn vị phối hợp xét tuyển theo kết quả thi khác).

Điều 18. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học và nhập học

1. Trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống, trước khi nhập học tại Trường.

3. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

d) Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được Trường cho phép.

Điều 19. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào học các ngành, chương trình đào tạo, Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) của Trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với các ngành, chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều

kiện trúng tuyển đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Điều 20. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh:

- a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;
- b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;
- c) Đồng ý để Trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;
- d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trường:

- a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT;
- b) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo hay theo một phương thức tuyển sinh của Trường mà không đủ điều kiện;
- c) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo Đề án tuyển sinh đã công bố;
- d) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;
- d) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật.

Mục 3

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Điều 21. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập HĐTS để triển khai các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, theo từng hình thức đào tạo để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS Trường gồm có:

- a) Chủ tịch: Hiệu trưởng;
- b) Phó chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;
- c) Ủy viên thường trực: Trưởng Phòng Quản lý đào tạo.

d) Các ủy viên: Trưởng hoặc phó trưởng các đơn vị thực hiện công tác tuyển sinh và chuyên viên công nghệ thông tin;

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) xét tuyển vào Trường không được tham gia HĐTS của Trường và các ban giúp việc HĐTS trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

a) Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ thông qua Đề án tuyển sinh do Hiệu trưởng thành lập Ban soạn thảo biên soạn và công bố hàng năm theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;

b) Các HĐTS theo từng hình thức đào tạo có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

i. Tổ chức tuyển sinh theo Đề án và Quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác của Trường;

ii. Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro đã đưa ra trong Đề án tuyển sinh của Trường, giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh theo quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan;

iii. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học (đối với tuyển sinh đại học chính quy); báo cáo tình hình tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

iv. Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, xét tuyển;

v. Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS trường.

- a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;
- b) Báo cáo với Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;
- c) Thành lập Ban Thư ký và các Ban chuyên môn để giúp việc cho HĐTS trường trong việc thực hiện công tác tuyển sinh; Trưởng các Ban chuyên môn phải là thành viên HĐTS.

5. Phó Chủ tịch HĐTS trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS uỷ quyền.

Điều 22. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS trường gồm có:

- a) Trưởng ban do Uỷ viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm;
- b) Các uỷ viên: Trưởng hoặc phó trưởng các đơn vị thực hiện công tác tuyển sinh và chuyên viên công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS sử dụng kết quả kỳ thi THPT để xét tuyển:

a) Cập nhật lên Công thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tất cả các thông tin của Trường để thực hiện xét tuyển;

b) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm đăng ký xét tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

c) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao;

đ) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;

e) Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học;

f) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định của Quy chế này;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao;

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS không sử dụng kết quả kỳ thi THPT để xét tuyển:

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm xét tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều này và các nhiệm vụ khác của Ban thư ký theo quy định tại Quy chế này;
- c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 23. Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học

1. HĐTS của Trường gửi giấy thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học khi thí sinh đã đáp ứng đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Quy chế này và quy định của Trường trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học; Trường chỉ được sử dụng bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi làm căn cứ xác nhận nhập học (đối với thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT của năm tuyển sinh).
2. Thí sinh trúng tuyển vào Trường cần nộp bản sao hợp lệ những giấy tờ sau đây:
 - a) Học bạ THPT;
 - b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp THPT đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước. Những người mới nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải xuất trình bản chính bằng tốt nghiệp THPT để đối chiếu kiểm tra;
 - c) Giấy khai sinh;
 - d) CCCD/CMND/Hộ chiếu (đối với thí sinh nước ngoài);
 - đ) Sơ yếu lý lịch sinh viên (hồ sơ trúng tuyển);
 - e) Các minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT;
 - f) Các yêu cầu khác theo quy định của Trường.

3. Đối với thí sinh đến Trường nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày ghi trong thông báo nhập học:

- a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như bỏ học;
- b) Nếu đến chậm do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Hiệu trưởng nhà trường xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

Điều 24. Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Khi thí sinh đến nhập học, Phòng công tác sinh viên thực hiện các nhiệm vụ thu và kiểm tra hồ sơ nhập học theo quy định khoản 2 Điều 23 của Quy chế này.
2. Trong quá trình sinh viên đang theo học tại Trường, Trường tổ chức thanh tra, kiểm tra hồ sơ và kết quả thi của thí sinh theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC TUYỂN SINH ĐÀO TẠO HÌNH THỨC KHÁC

Điều 25. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

1. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học cả năm và từng đợt, từng địa điểm (nơi học).
2. Căn cứ Đề án tuyển sinh đã công bố, Trường thông báo và tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.
3. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ, Trường tổ chức xét tuyển theo nguyên tắc sau:
 - a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, những không thấp hơn ngưỡng đầu vào;
 - b) Đối với một ngành đào tạo (hoặc một chương trình đào tạo) theo một phương thức và tổ hợp bộ môn, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng theo điểm xét tuyển không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;
 - c) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT;
4. Trên cơ sở kết quả xét tuyển cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo;

Điều 26. Tuyển sinh đào tạo liên thông

1. Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và bằng tốt nghiệp PTTH; người có bằng tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành; người có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên.
2. Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng lên trình độ đại học; tuyển sinh đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; Riêng đối với các ngành nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề chỉ tuyển sinh đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp thuộc nhóm ngành sức khỏe. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với ngành Dược: Ngành Dược học phải đạt một trong các tiêu chí sau đây: Học lực lớp 12 đạt loại giỏi hoặc điểm trung bình các môn văn hóa THPT đạt 8,0 trở lên hoặc tốt nghiệp THPT loại giỏi hoặc có học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn được đào tạo hoặc

tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

Điều 27. Tuyển sinh đào tạo văn bằng 2

1. Người học có nhu cầu học tập tại trường để cấp bằng đại học thứ 2 phải có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở đào tạo trong nước cấp hoặc bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT, đồng thời phải đảm bảo các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường.

2. Thí sinh đủ điều kiện đăng ký dự tuyển phải nộp đầy đủ và đúng hạn hồ sơ đăng ký dự tuyển theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này và trong đề án tuyển sinh.

3. Đề án tuyển sinh quy định cụ thể ngành đào tạo, thời gian đào tạo, điều kiện dự tuyển, hồ sơ xét tuyển và các mốc thời gian tuyển sinh.

Điều 28. Thông báo kết quả và tổ chức nhập học

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là cán bộ, nhân viên của Trường sẽ bị xử lý tùy theo mức độ có thể bị chấm dứt hợp đồng lao động hoặc bị buộc thôi việc.

Điều 30. Khen thưởng

Chủ tịch HĐTS khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng:

1. Những cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Những cá nhân, đơn vị có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

Điều 31. Chế độ lưu trữ

Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Điều 32. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; thay thế các quy chế, quy định có liên quan trước đây của Trường.

2. Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm thuộc trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.
3. Hàng năm, Quy chế này được bổ sung, sửa đổi, cập nhật theo quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Tuyển sinh để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.



TS. Nguyễn Thị Thu Hà





PHỤ LỤC

(kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-DHKTKT ngày 25/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)

Phụ lục I. Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II. Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
Nhóm ưu tiên 1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tinh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
	c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
Nhóm ưu tiên 2	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực I và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nòng cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nòng cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
07	<p>a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;</p> <p>b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;</p> <p>c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên;</p> <p>d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Được đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.</p>

Phụ lục III. Đề án tuyển sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
- KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương**
2. Mã trường: **DKB**
3. Địa chỉ trụ sở: 333 đường Thuận giao 16, Phường Thuận giao, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <https://www.ktkt.edu.vn>
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh): <https://www.facebook.com/dhkinhtekythuatbinhduong>
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0287 108 1979
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường:

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực...					
Tên ngành					
Tên ngành					
.....					
Lĩnh vực...					
.....					
Tổng					

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của trường:

8.1 Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của trường:

8.2 Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm ... (Ví dụ: 2021)			Năm ... (Ví dụ: 2022)		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Lĩnh vực 1/nhóm ngành/ngành - Ngành 1 Tổ hợp 1: Tổ hợp 2: Tổ hợp 3: - Ngành 2 - Ngành 3 - Ngành 4							
2.	Lĩnh vực 2/nhóm ngành/ngành							
3.	Lĩnh vực 3/nhóm ngành/ngành							
4.							
	Tổng							

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của trường:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.									
2.									
3.									
...									

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường:

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường:

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của trường:

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.														
2.														

1.5. Nguồn đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường;

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh

1.15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

2. Tuyển sinh đào tạo đại học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo

- 1.5. Ngưỡng đầu vào.
- 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.
- 1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.
- 1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.
- 1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.
- 1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).
- 1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.
- 1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.
- 1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Mẫu số 01)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: (Mẫu số 02)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Cán bộ kê khai

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Bình Dương, ngày..... tháng..... năm 202....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Mẫu số 01: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Số thứ tự	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (đơn vị)	Số văn bản đào tạo VLTH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.										
2.										

1.5. Nguồn đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Sđt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLV H	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11
1										
2										

1.5. Nguồn đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- 1.8. Chính sách ưu tiên.
- 1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.
- 1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).
- 1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.
- 1.12. Việc CSDT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.
- 1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Mẫu số 02: Tuyển sinh đào tạo từ xa

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa

- 1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.
- 1.2. Phạm vi tuyển sinh.
- 1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).
- 1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo từ xa	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11
1										
2										

- 1.5. Nguồn đầu vào.
- 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

- 1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển.
- 1.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.
- 1.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).
- 1.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.
- 1.11. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.
- 1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).



Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/..... (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
1.1	Lĩnh vực....		
1.1.1	Ngành....		
2	Thạc sĩ		
2.1	Lĩnh vực...		
2.1.1	Ngành....		
B	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.1.1	Lĩnh vực ...		
3.1.1.1.1	Ngành...		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Lĩnh vực ...		
3.1.2.1.1	Ngành...		
3.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
3.2.1	Lĩnh vực...		
3.2.1.1	Ngành...		
3.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
3.3.1	Lĩnh vực...		
3.3.1.1	Ngành....		
3.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
3.4.1	Lĩnh vực...		
3.4.1.1	Ngành....		
4	Đại học vừa làm vừa học		

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
4.1	Vừa làm vừa học		
4.1.1	Lĩnh vực...		
4.1.1.1	Ngành...		
4.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
4.2.1	Lĩnh vực...		
4.2.1.1	Ngành....		
4.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
4.3.1	Lĩnh vực...		
4.3.1.1	Ngành...		
4.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4.2.1	Lĩnh vực...		
4.2.1.1	Ngành....		
5	Tù xa		
5.1	Lĩnh vực...		
5.1.1	Ngành...		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		
6	Cao đẳng chính quy		
6.1	Chính quy		
6.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		
6.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		
7.1	Vừa làm vừa học		
7.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		
7.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

- 2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá
- Tổng diện tích đất của trường (ha):
 - Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có):

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo		
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ		
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ		
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ		
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ		
1.5	Số phòng học đa phương tiện		
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo		
2	Thư viện, trung tâm học liệu		
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập		
	Tổng		

2.2 Các thông tin khác

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

Số thứ tự	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Trần Văn A	GS	TS	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	Ngôn ngữ Anh
2	Nguyễn Thị B		ThS	Tin học		
3	...					
	Tổng số giảng viên toàn trường					

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1.	Trần Văn A		GS	TS	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	Ngôn ngữ Anh
2.	Nguyễn Thị B			ThS	Tin học		
3.						
	Tổng số giảng viên toàn trường						